TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:182/2025/QĐST-HNGĐ	*Vĩnh Long, ngày 03 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 47/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 giữa:

- *Nguyên đơn:* bà **Nguyễn Thị T,** sinh năm 1962.

Địa chỉ cư trú: ấp TK, xã TT, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long nay là ấp TK B, xã TO, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* ông **Huỳnh Văn M,** sinh năm 1967.

Địa chỉ cư trú: ấp TK, xã TT, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long nay là ấp TK B, xã TO, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 10 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 10 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Văn M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Bà T và ông M có 03 con chung Huỳnh Thị Bích T, sinh ngày 16/11/1988, Huỳnh Thị Ngọc Q, sinh ngày 01/01/1993 và Huỳnh Thị Ngọc M sinh ngày 06/3/1994 hiện đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị T nộp 75.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình nhưng miễn toàn bộ án phí cho bà T do thuộc diện người cao tuổi được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/16/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Huỳnh Văn M có nghĩa vụ nộp 75.000đ (*Bảy mươi lăm ngàn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 4 – Vĩnh Long;
- UBND xã TT nay là xã TO;
(GCNKH số 116; quyển 01;
ngày 27/11/2003);
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN
Đã ký

Trần Hoàng Phú